

Số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH Bắc Giang, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Thông tư số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 về sửa đổi các khoản 3,4,5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-ĐHNLBG-TCCB ngày 10/04/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

Căn cứ nội dung biên bản họp ngày 21/10/2020 của Hội đồng thi cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 10, 11/10/2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách 218 thí sinh đạt yêu cầu, được cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, đợt thi ngày 10, 11/10/2020.

(Có danh sách thí sinh đạt yêu cầu kèm theo)

Điều 2. Trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- CT HĐT (b/c);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, NNTH.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Hà

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
(Ban hành kèm theo QĐ số /QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày tháng năm 2020 của
Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
1	CNTT01	Tạ Hồng Anh	19/09/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,0	Đạt
2	CNTT02	Ngô Thị Ngọc Ánh	10/01/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	Đạt
3	CNTT03	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	18/06/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt
4	CNTT04	Lê Văn Chiến	06/01/1990	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	7,0	Đạt
5	CNTT05	Nguyễn Thị Dung	02/10/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	5,5	Đạt
6	CNTT06	Nguyễn Thị Điệp	25/06/1979	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	6,2	7,0	Đạt
7	CNTT08	Hoàng Thị Hải	25/12/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	Đạt
8	CNTT10	Nguyễn Ngọc Hạnh	02/09/1981	Tây Ninh	Nam	Kinh	7,7	6,5	Đạt
9	CNTT11	Hoàng Minh Hằng	14/03/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,0	Đạt
10	CNTT12	Vương Thị Hậu	14/04/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,5	Đạt
11	CNTT13	Giáp Thu Hiền	20/11/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	6,5	Đạt
12	CNTT14	Nguyễn Thị Bích Hiền	24/09/1980	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,0	Đạt
13	CNTT15	Tạ Thị Thu Hiền	21/08/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,0	Đạt
14	CNTT16	Nguyễn Văn Hiếu	09/02/1990	Quảng Ninh	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
15	CNTT17	Đặng Đức Hoạt	22/02/1995	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	7,5	Đạt
16	CNTT18	Nguyễn Thị Hồng	05/06/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,5	7,0	Đạt
17	CNTT19	Từ Quốc Huân	27/09/2000	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	6,5	Đạt
18	CNTT20	Trần Văn Hùng	06/09/1983	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,0	6,5	Đạt
19	CNTT21	Nguyễn Thị Minh Hương	07/04/1986	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,0	Đạt
20	CNTT22	Nguyễn Thị Phương Khánh	29/07/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	7,0	Đạt
21	CNTT23	Phạm Đức Khởi	25/02/2000	Hải Dương	Nam	Kinh	7,7	7,0	Đạt
22	CNTT24	Ngô Thị Mai Liên	13/02/1981	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
23	CNTT25	Nguyễn Thị	Liên	28/09/1995	Thái Bình	Nữ	Kinh	8,0	7,0	Đạt
24	CNTT26	Lê Đức	Long	30/01/1990	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	6,0	Đạt
25	CNTT27	Hoàng Thị	Lợi	22/12/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	8,0	Đạt
26	CNTT28	Vì Thị Hoa	Mận	14/06/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,5	Đạt
27	CNTT29	Đặng Thị Thúy	Mùi	30/05/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	6,0	Đạt
28	CNTT30	Trần Nguyễn Hà	My	14/11/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	6,5	Đạt
29	CNTT31	Chu Thị	Ngát	13/11/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,0	Đạt
30	CNTT32	Hoàng Thị	Nguyệt	21/03/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,0	Đạt
31	CNTT33	Nguyễn Văn	Phúc	29/08/1982	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	6,5	Đạt
32	CNTT34	Trương Thị	Tân	08/02/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt
33	CNTT36	Nguyễn Thị	Thơm	15/02/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,0	Đạt
34	CNTT37	Nguyễn Thị	Thúy	26/06/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	Đạt
35	CNTT38	Nghiêm Thị	Thùy	12/06/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt
36	CNTT39	Nguyễn Thị	Toan	07/01/1986	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt
37	CNTT40	Nguyễn Thị	Anh	28/09/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,5	6,5	Đạt
38	CNTT41	Trần Thị	Ánh	11/09/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	6,0	Đạt
39	CNTT42	Ngô Thế	Dũng	22/05/1981	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,2	5,5	Đạt
40	CNTT43	Hoàng Thị	Duyên	30/10/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	5,5	Đạt
41	CNTT44	Trần Thị	Hà	13/06/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	6,0	Đạt
42	CNTT45	Trần Thị	Hạnh	01/04/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	6,5	Đạt
43	CNTT46	Ngô Thanh	Hậu	29/12/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt
44	CNTT47	Nguyễn Thị	Hậu	03/04/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	6,0	Đạt
45	CNTT49	Giáp Thị	Huế	25/11/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	5,5	Đạt
46	CNTT50	Chiêu Thị	Huyền	17/04/1999	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,7	6,0	Đạt
47	CNTT51	Vũ Thị Thu	Linh	01/08/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	6,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
48	CNTT52	Đoàn Thị Thanh	Nga	31/08/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt
49	CNTT53	Từ Thị Thanh	Nga	14/09/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	6,0	Đạt
50	CNTT54	Hoàng Hương	Ngọc	27/07/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	6,0	Đạt
51	CNTT55	Từ Thị Hồng	Nhung	01/06/1979	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt
52	CNTT56	Lý Thị	Phượng	01/12/1999	Bắc Giang	Nữ	Sán Chí	7,2	6,0	Đạt
53	CNTT57	Đinh Thị	Phượng	06/10/1995	Bắc Giang	Nữ	Tày	8,0	5,5	Đạt
54	CNTT58	Nguyễn Thị Thanh	Quyên	12/12/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,0	Đạt
55	CNTT60	Đặng Thị	Thảo	19/02/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	5,5	Đạt
56	CNTT61	Nguyễn Thị	Thảo	07/11/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	6,0	Đạt
57	CNTT62	Nguyễn Thị	Thảo	20/09/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt
58	CNTT63	Nguyễn Thị	Thảo	06/03/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt
59	CNTT64	Thăng Thị	Thắm	30/07/1997	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,5	6,0	Đạt
60	CNTT65	Nguyễn Thị	Thùy	06/09/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	5,5	Đạt
61	CNTT66	Hà Thị	Thủy	16/09/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,0	Đạt
62	CNTT67	Thăng Thị	Thủy	04/12/1993	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt
63	CNTT68	Hà Huyền	Trang	20/11/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	6,0	Đạt
64	CNTT69	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	20/05/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt
65	CNTT70	Ma Thị	Trình	04/04/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt
66	CNTT71	Nguyễn Minh	Tuấn	08/10/1985	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,5	5,5	Đạt
67	CNTT72	Lê Thị Tổ	Uyên	19/09/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	6,0	Đạt
68	CNTT73	Nguyễn Thị Thu	Uyên	13/03/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	5,5	Đạt
69	CNTT74	Bùi Quang	Vũ	13/09/1982	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,2	6,5	Đạt
70	CNTT75	Nguyễn Xuân	Vụ	06/12/1981	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,5	6,5	Đạt
71	CNTT76	Lý Thị	Xuân	22/08/1993	Bắc Giang	Nữ	Sán Chí	6,5	6,0	Đạt
72	CNTT78	Nông Ngọc	Ánh	03/03/1996	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	7,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
73	CNTT80	Nguyễn Thị Diễm	12/06/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt
74	CNTT82	Lăng Mạnh Minh	25/02/1988	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	7,0	Đạt
75	CNTT83	Trịnh Thị Hà	06/12/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,5	Đạt
76	CNTT84	Dương Thị Thu	21/02/1982	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,0	Đạt
77	CNTT85	Nguyễn Thị Thu	11/04/1994	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	6,5	Đạt
78	CNTT86	Nông Thị Hương	24/11/1978	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,0	Đạt
79	CNTT87	Hoàng Bích Hương	10/03/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt
80	CNTT88	Hoàng Thúy Minh	23/04/1973	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,0	Đạt
81	CNTT89	Nông Văn Ngọc	01/05/1988	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	7,0	Đạt
82	CNTT90	Lưu Văn Quý	05/10/1978	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,5	Đạt
83	CNTT91	Hoàng Thị Tới	01/06/1980	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,0	Đạt
84	CNTT92	Lù Văn Tuấn	06/07/1988	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	6,5	Đạt
85	CNTT93	Bế Thị Hạ	30/12/1979	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,5	Đạt
86	CNTT94	Trần Thị Việt	05/11/1976	Thái Bình	Nữ	Kinh	6,5	7,0	Đạt
87	CNTT95	Lê Thị Hằng	22/08/1995	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,2	7,0	Đạt
88	CNTT96	Mã Mai Hoa	15/12/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt
89	CNTT97	Nguyễn Thị Thu	03/01/1983	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt
90	CNTT98	Lộc Thị Hoan	06/09/1976	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,0	Đạt
91	CNTT99	Hoàng Văn Huân	25/06/1981	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,5	Đạt
92	CNTT100	Vì Văn Hùng	10/11/1971	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,5	Đạt
93	CNTT101	Quách Thị Hương	05/08/1987	Ninh Bình	Nữ	Kinh	6,7	7,0	Đạt
94	CNTT102	Sái Văn Kiên	14/12/1981	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,0	Đạt
95	CNTT103	Chu Thị Lan	27/02/1983	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,5	Đạt
96	CNTT104	Vũ Tự Lập	18/09/1997	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,0	7,0	Đạt
97	CNTT105	Lý Tuấn Liêm	18/08/1983	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
98	CNTT106	Đặng Hồng	Luận	24/04/1978	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,0	Đạt
99	CNTT107	Vi Thị	Lưu	06/11/1975	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,5	Đạt
100	CNTT108	Hoàng Thị	Na	14/01/1981	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	7,5	Đạt
101	CNTT109	Bế Thị Hải	Nga	26/05/1983	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,0	Đạt
102	CNTT110	Hoàng Thị Bích	Ngọc	20/12/1976	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	6,5	Đạt
103	CNTT111	Hoàng Thị	Ngôn	04/03/1973	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,0	Đạt
104	CNTT112	Phan Thị	Nhâm	20/05/1985	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,7	7,0	Đạt
105	CNTT113	Nông Thị	Ninh	30/07/1972	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,0	Đạt
106	CNTT114	Vi Văn	Phúc	29/07/1973	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,5	Đạt
107	CNTT115	Vi Văn	Phúc	26/09/1980	Bắc Giang	Nam	Tày	6,7	7,5	Đạt
108	CNTT116	Lành Mai	Phương	23/07/1983	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,0	Đạt
109	CNTT117	Hứa Thị	Hạnh	08/01/1979	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,5	Đạt
110	CNTT118	Phan Thị	Hằng	24/07/1992	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	7,0	Đạt
111	CNTT119	Nông Thị	Hiệp	01/09/1987	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	6,5	Đạt
112	CNTT120	Hoàng Thị	Huệ	25/10/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	7,0	Đạt
113	CNTT121	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	18/03/1992	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt
114	CNTT122	Nông Văn	Quang	17/08/1995	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	8,0	Đạt
115	CNTT123	Hà Văn	Quỳnh	29/05/1995	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	7,5	Đạt
116	CNTT124	Mã Thị	Sinh	09/09/1970	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,0	Đạt
117	CNTT125	Vy Văn	Sláy	06/07/1986	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	6,5	Đạt
118	CNTT126	Lâm Văn	Thái	02/03/1990	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	7,5	Đạt
119	CNTT127	Hoàng Văn	Thanh	11/11/1987	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,0	Đạt
120	CNTT128	Hoàng Văn	Thanh	16/06/1995	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	6,5	Đạt
121	CNTT129	Phạm Quang	Thanh	02/04/1987	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,7	7,5	Đạt
122	CNTT130	Lộc Văn	Thành	16/03/1993	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	7,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
123	CNTT131	Sái Thị	Thắm	20/02/1974	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,0	Đạt
124	CNTT132	Nguyễn Thị Bích	Thùy	10/09/1983	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,0	Đạt
125	CNTT133	Nguyễn Thị Huyền	Trang	20/11/1995	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	6,5	Đạt
126	CNTT134	Long Hoàng	Trung	23/03/1990	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	6,5	Đạt
127	CNTT135	Bế Thị	Tú	04/08/1973	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,0	Đạt
128	CNTT136	Phạm Thanh	Tuấn	27/10/1987	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,7	7,0	Đạt
129	CNTT137	Phương Thị Tố	Uyên	10/04/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	7,0	Đạt
130	CNTT138	Vi Thanh	Vững	21/07/1977	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,5	Đạt
131	CNTT139	Lộc Thị	Vượng	30/05/1974	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,0	Đạt
132	CNTT140	Giáp Thị	Yêu	21/07/1987	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,0	Đạt
133	CNTT141	Hoàng Đình	Bách	08/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	7,0	Đạt
134	CNTT142	Dương Công	Bắc	26/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	7,0	Đạt
135	CNTT143	Đình Văn	Cam	18/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	6,5	Đạt
136	CNTT144	Hoàng Thị	Chuyên	20/10/1986	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,5	Đạt
137	CNTT145	Dương Công	Chúc	08/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	7,5	Đạt
138	CNTT146	Dương Thị	Chung	15/03/2002	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,2	7,0	Đạt
139	CNTT147	Đình Quang	Cười	18/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	7,0	Đạt
140	CNTT148	Dương Thị Quỳnh	Diễm	15/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,2	6,5	Đạt
141	CNTT149	Hoàng Thị	Diệu	28/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	7,0	Đạt
142	CNTT150	Đặng Tiến	Dũng	15/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,5	Đạt
143	CNTT151	Lương Chí	Dũng	19/09/1977	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,0	Đạt
144	CNTT152	Lương Đình	Dũng	07/02/2001	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,5	Đạt
145	CNTT153	Nông Văn	Dũng	29/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	7,0	Đạt
146	CNTT154	Nguyễn Thị	Duyên	27/10/1989	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt
147	CNTT155	Dương Công	Dương	24/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	7,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
148	CNTT156	Hoàng Thanh	Dương	03/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	7,5	Đạt
149	CNTT157	Hoàng Văn	Đại	06/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	7,0	Đạt
150	CNTT158	Hoàng Nam	Đàn	14/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	7,0	Đạt
151	CNTT159	Đinh Tiến	Đạt	17/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	6,5	Đạt
152	CNTT160	Dương Mạnh	Đạt	22/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	6,5	Đạt
153	CNTT161	Dương Quốc	Đạt	16/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	7,0	Đạt
154	CNTT162	Dương Văn	Cương	20/07/1991	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,5	Đạt
155	CNTT163	Dương Công	Định	11/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	7,0	Đạt
156	CNTT164	Trần Minh	Đức	06/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	7,0	Đạt
157	CNTT165	Lương Thị Thanh	Hiền	11/04/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	6,5	Đạt
158	CNTT166	Nguyễn Thị	Hiền	19/10/1982	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,7	7,5	Đạt
159	CNTT167	Lương Đình	Hiền	25/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	8,0	Đạt
160	CNTT168	Hoàng Hữu	Hiệp	13/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	7,0	Đạt
161	CNTT169	Hoàng Minh	Hiếu	06/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	7,0	Đạt
162	CNTT170	Hứa Văn	Hiếu	01/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt
163	CNTT171	Dương Công	Hoàng	18/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,0	Đạt
164	CNTT172	Lường Đình	Hoàng	17/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,5	Đạt
165	CNTT173	Nguyễn Văn	Học	09/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,5	Đạt
166	CNTT174	Liều Thị	Hồng	26/01/1968	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,5	Đạt
167	CNTT175	Lý Thị	Hợp	12/04/1987	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	7,0	Đạt
168	CNTT176	Dương Thị Thu	Huê	20/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,2	5,5	Đạt
169	CNTT177	Nông Thị	Huệ	28/01/1980	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	6,5	6,5	Đạt
170	CNTT178	Dương Hữu	Hùng	15/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,5	Đạt
171	CNTT179	Hoàng Văn	Hùng	28/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt
172	CNTT180	Nguyễn Văn	Huy	29/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
173	CNTT181	Hoàng Thị	Huyền	08/06/1988	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt
174	CNTT182	Hoàng Đình	Khải	18/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,0	Đạt
175	CNTT183	Nguyễn Vũ	Khiêm	19/06/1973	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt
176	CNTT184	Nguyễn Thị	Khuyên	14/10/1974	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,5	6,0	Đạt
177	CNTT185	Dương Văn	Lam	20/06/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	Đạt
178	CNTT186	Dương Công	Long	01/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,0	Đạt
179	CNTT187	Hoàng Thị Ngọc	Mai	20/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	5,5	Đạt
180	CNTT188	Lê Thị	Mai	16/12/1991	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	7,0	Đạt
181	CNTT189	Hoàng Đăng	Mạnh	03/07/1996	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	7,0	Đạt
182	CNTT190	Hoàng Doãn	Minh	15/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,5	Đạt
183	CNTT191	Dương Thị Xuân	Mới	22/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	5,5	Đạt
184	CNTT192	Mai Văn Trọng	Nam	08/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,0	Đạt
185	CNTT193	Hoàng Công	Nghĩa	08/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,0	Đạt
186	CNTT194	Hoàng Bích	Ngọc	23/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	5,0	Đạt
187	CNTT195	Dương Thị Hương	Nhài	04/11/1998	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,0	Đạt
188	CNTT196	Dương Hữu	Phong	09/07/1976	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,5	Đạt
189	CNTT197	Hoàng Trung	Phong	11/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	Đạt
190	CNTT198	Hoàng Hữu	Phúc	05/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,0	Đạt
191	CNTT199	Hoàng Bích	Phương	16/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,2	7,0	Đạt
192	CNTT200	Dương Công	Quân	01/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	7,0	Đạt
193	CNTT201	Vi Văn	Quân	30/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	6,5	Đạt
194	CNTT202	Dương Công	Quốc	15/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	6,5	Đạt
195	CNTT203	Dương Văn	Quốc	16/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	7,0	Đạt
196	CNTT204	Hà Thị	Quy	01/11/1981	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	8,0	Đạt
197	CNTT205	Âu Văn	Sáng	20/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	7,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
198	CNTT206	Dương Thị	Soi	18/08/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt
199	CNTT207	Hoàng Đình	Sóng	02/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	7,5	Đạt
200	CNTT208	Triệu Văn	Tân	21/05/1982	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	7,5	Đạt
201	CNTT209	Hoàng Văn	Thanh	11/05/1984	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,5	Đạt
202	CNTT210	Vũ Thị	Thanh	28/02/1981	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,7	7,5	Đạt
203	CNTT211	Dương Thần	Thắng	16/12/1985	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,5	Đạt
204	CNTT212	Hoàng Quang	Thắng	09/07/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	7,0	Đạt
205	CNTT213	Tô Văn	Thắng	29/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	7,5	Đạt
206	CNTT214	Hoàng Quang	Thân	07/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	7,5	Đạt
207	CNTT215	Hoàng Thọ	Tiến	01/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	7,0	Đạt
208	CNTT216	Hoàng Văn	Trang	11/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	7,5	Đạt
209	CNTT217	Vũ Thị Huyền	Trang	13/08/1990	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,7	7,5	Đạt
210	CNTT218	Bùi Quang	Trình	22/12/1978	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,5	7,5	Đạt
211	CNTT219	Lý Văn	Trọng	06/04/1985	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	7,5	Đạt
212	CNTT220	Dương Mạnh	Trường	10/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	7,5	Đạt
213	CNTT221	Đàm Anh	Tú	31/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	7,5	Đạt
214	CNTT222	Nông Ngọc	Thực	02/10/1973	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,0	Đạt
215	CNTT223	Dương Thanh	Tuấn	08/11/1980	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	6,5	Đạt
216	CNTT224	Dương Văn	Tuyển	06/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	7,5	Đạt
217	CNTT225	Nguyễn Thị	Vinh	14/01/1978	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	Đạt
218	CNTT226	Nguyễn Văn	Vinh	27/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	7,0	Đạt

Số thí sinh được cấp chứng chỉ theo danh sách: 218./.